TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-ST
Ngày: 22-6-2021.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Phát Triển;
Ông Nguyễn Chí Công;
- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-DS ngày 15/01/2021, "V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 667/2021/QĐXXST-DS ngày 17/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 720/2021/QĐST-DS ngày 02/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Đặng Công S, sinh năm: 1960; là chủ hộ kinh doanh Đặng Công S.

Địa chỉ: Số 337A/6, ấp Tân Mỹ, xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn*: Nguyễn Thanh N, sinh năm 1971; Lê Thị T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 393c/6, ấp Tân Mỹ, xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Đặng Công S trình bày:

Ông S là chủ hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp Đặng Công S có bán vật tư nông nghiệp (phân, thuốc trừ sâu…) cho ông Nguyễn Thanh N và bà Lê Thị T là vợ chồng rất nhiều lần, tính đến hết tháng 12/2018 thì ông Nhàn, bà T còn nợ lại số

tiền 106.190.000đ, ông S đến yêu cầu nhiều lần nhưng ông Nhàn, bà T vẫn không thực hiện.

Việc Mua bán phân, thuốc; giao hàng cho ông Nhàn, bà T không có ký, nhận trên sổ sách. Nhưng có thể hiện trên sổ theo dõi.

Hình thức mua bán là ông Nhàn, bà T lại cửa hàng của ông S để thỏa thuận mua phân, thuốc và nhận hàng.

Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của Đặng Công S là có căn cứ và hợp pháp đó là "biên bản hòa giải thừa nhận nợ mua vật tư phân thuốc của ông S do bà Lê Kim T xác nhận" thể hiện bà T thừa nhận số tiền nợ mua phân, thuốc của ông Đặng Công S. Tuy nhiên trình bày do điều kiện khó khăn nên chỉ đồng ý trả 1.000.000 đồng/tháng. Ông Đặng Công S không đồng ý.

Do đó, Đặng Công S vẫn bảo lưu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ, chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Đặng Công S vốn 106.190.000đ đồng, lãi không yêu cầu.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn Đặng Công S cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định mà bị đơn ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản ghi ý kiến trình bày hoặc phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn Đặng Công S hoặc yêu cầu phản tố đối trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn Đặng Công S. Điều đó thể hiện là bị đơn ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T đã tự từ bỏ quyền phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn Đặng Công S hoặc yêu cầu phản tố đối trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn Đặng Công S. Ngược lại kèm theo yêu cầu thì nguyên đơn đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đó là "biên bản hòa giải thừa nhận nợ mua vật tư phân thuốc của ông S do bà Lê Kim T xác nhận", đúng như lời trình bày của nguyên đơn ở trên.

Căn cứ xác nhận của Công an xã Tân Phước thì ông N, bà T là vợ, chồng cùng cư trú số nhà 393c/6, ấp Tân Mỹ, xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và hiện có mặt tại địa phương.

Căn cứ "biên bản hòa giải thừa nhận nợ mua vật tư phân thuốc của ông S do bà Lê Kim T xác nhận" bà T thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông S số tiền 106.190.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Thanh N tuy không trực tiếp ký tên trong biên bản hòa giải thừa nhận nợ với vợ bà Lê Thị T. Tuy nhiên, từ ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, thông báo nội dung khởi kiện của nguyên đơn, thông báo chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhưng ông Nhàn không đến giải quyết theo giấy triệu tập của Tòa án.

Xét thấy, việc mua bán phân thuốc của ông Nhàn, bà T mà ông S trình bày là để phục vụ mục đích kinh tế gia đình của ông Nhàn, bà T là để chăm sóc, cải tạo, phát triển vườn cây của ông Nhàn, bà T Nên ông Nhàn cũng phải có trách nhiệm liên đới với bà T để thực hiện nghĩa vụ đối với ông S.

Do đó, xét yêu cầu của Đặng Công S là chính đáng, đúng pháp luật, nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử cần buộc ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T cùng liên đới trả cho Đặng Công S vốn 106.190.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với khoản 2, khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 2, khoản 3 của Điều 440 của Bộ luật dân sự có ghi:

"*2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản;*

3. *Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự này*".

"Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;……"

[2] Đặng Công S không yêu cầu gì đối với phần lãi nên Hội Đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Toàn bộ yêu cầu của Đặng Công S được Tòa án chấp nhận, nên ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Đặng Công S tiền vốn mua phân, thuốc còn nợ là 106.190.000 đồng.(283.223.000đồng + lãi 0,83% 11.754.000= 294.977.000đồng

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Đặng Công S mà ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T chậm trả 106.190.000 đồng thì hàng tháng Nguyễn Thanh N, Lê Thị T còn phải liên đới trả cho Đặng Công S thêm phần lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

3. Án phí, tạm ứng án phí:

3.1. Nguyễn Thanh N, Lê Thị T phải chịu 5.309.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

3.2. Ông Đặng Công S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/6/2021). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa ngày 22/6/2021 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Hiếu

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 28/4/2021.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển;

Ông Đặng Văn Hai.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-DS ngày 15/01/2021, "V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản", giữa:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Hoa - *Sinh năm*: 1968.

Là chủ hộ kinh doanh Hoàng Hoa.

Địa chỉ: 254A ấp Tân Định, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn*: Lê Thị Mỹ Xuyên - *Sinh năm*: 1986.

Địa chỉ: 428/4 ấp Tân Quí, xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc Lê Thị Mỹ Xuyên thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Hoa vốn 71.584.000 đồng, lãi không yêu cầu (Bảy mươi mốt triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Nguyễn Thị Hoa mà Lê Thị Mỹ Xuyên chậm trả 71.584.000 đồng thì hàng tháng Lê Thị Mỹ Xuyên còn phải liên đới trả cho Nguyễn Thị Hoa thêm phần lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy

định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

3. Án phí, tạm ứng án phí:

3.1. Lê Thị Mỹ Xuyên phải chịu 3.579.000 đồng (Ba triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Lê Thị Mỹ Xuyên chưa nộp).

3.2. Hoàn trả cho Nguyễn Thị Hoa phải 1.789.600 đồng (Một triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0010726, ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/4/2021). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa ngày 28/4/2021 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 10 phút, ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Nhung